



# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THĂNG LỢI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025

**TS. TRẦN THỊ HỒNG MINH** - Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

**TS. ĐẶNG THỊ THU HOÀI** - Trưởng ban Ban Nghiên cứu Kinh tế ngành và lĩnh vực, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

*Ba năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 diễn ra trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động nghịch chiều, thách thức nhiều hơn thuận lợi. Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam đã vững vàng vượt qua thử thách, đạt nhiều kết quả khả quan, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo dựng nền tảng cho các động lực tăng trưởng mới.*

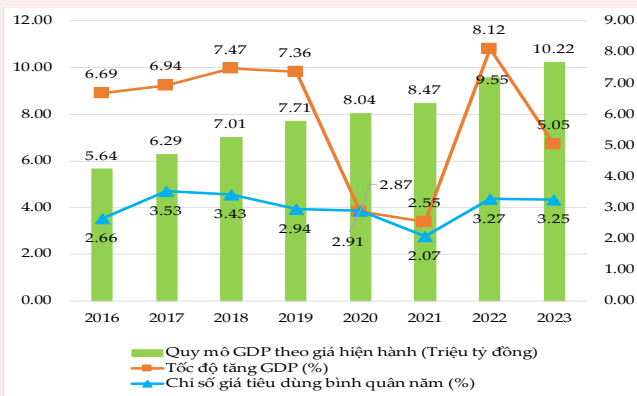
Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 đã đặt ra các mục tiêu phát triển rất cao, hướng đến năm 2030 nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Tuy nhiên, bối cảnh thực tiễn trong thời gian triển khai kế hoạch có rất nhiều biến động phức tạp, khó khăn, khó lường, thách thức lớn hơn nhiều so với dự báo.

Nền kinh tế trong nước chưa kịp phục hồi sau ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19 đã bị tác động liên hoàn của nhiều diễn biến bất lợi như xung đột địa chính trị, đặc biệt xung đột Nga và Ukraine, sự đứt gãy, gián đoạn các chuỗi cung ứng, lạm phát cao, tăng trưởng của các nước giảm, tổng cầu suy yếu,

thách thức an ninh phi truyền thống, thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu... Bối cảnh trên đã ảnh hưởng sâu sắc tới kết quả phát triển KT-XH và cơ cấu lại nền kinh tế có độ mở cao như nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, với sự quyết liệt trong kiểm soát dịch bệnh, triển khai kịp thời các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp (DN) và các giải pháp chính sách cải cách trung và dài hạn khác, nền kinh tế nước ta đã từng bước vượt qua các khó khăn, tạo tiền đề thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế ở giai đoạn tiếp theo.

**Tăng trưởng khả quan, kinh tế vĩ mô ổn định, an sinh xã hội đảm bảo, nền kinh tế dần phục hồi và phát triển**

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và mở rộng trong môi trường kinh tế vĩ mô ổn định (Theo

**HÌNH 1: MỘT SỐ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI  
GIAI ĐOẠN 2021-2023**

Nguồn: Tổng cục Thống kê

giá hiện hành, GDP năm 2021 đạt 8.487,4 nghìn tỷ đồng; năm 2022 đạt 9.548,7 nghìn tỷ đồng; năm 2023 đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng). Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có mức tăng cao trong khu vực và trên thế giới, đồng thời từng bước phát triển mạnh mẽ hơn. Năm 2021, dưới tác động của đại dịch COVID-19, tốc độ tăng GDP vẫn đạt 2,55% trong khi nhiều quốc gia có tốc độ tăng trưởng âm. Năm 2022, nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ, đạt mức tăng 8,12%. Năm 2023, mặc dù kinh tế toàn cầu suy giảm nhưng mức tăng trưởng vẫn đạt 5,05%, thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất.

Lạm phát cơ bản của Việt Nam được kiểm soát trong khi rất nhiều quốc gia có mức lạm phát cao. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2021 tăng 2,07%; năm 2022 tăng 3,27%; năm 2023 tăng 3,25%, đều thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4,5%). Nhiều tổ chức quốc tế uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế dần dịch chuyển sang chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học- công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế ngày một lớn, tính chung cả giai đoạn 2021-2023 ước đạt khoảng 35,3 đến 46,09%. Năng suất lao động (NSLĐ) toàn nền kinh tế giữ tiếp tục giữ xu hướng tăng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện đời sống người dân. NSLĐ tăng từ 172,8 triệu đồng/lao động năm 2021 lên 188,7 triệu đồng/lao động năm 2022 và năm 2023 ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động.

Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải

thiện, từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển lực lượng DN phục hồi và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được thực hiện, cải thiện vị trí của nền kinh tế trong một số bảng xếp hạng quốc tế (Chỉ số Tự do kinh tế do tổ chức Heritage Foundation đánh giá tăng 6 bậc, từ vị trí thứ 90 năm 2021 lên vị trí thứ 84 năm 2022. Chỉ số thành phần Tự do kinh doanh tăng điểm mạnh với mức tăng 8,4 điểm (từ 65,2 lên 73,6 điểm...). Nhờ đó, khu vực kinh tế tư nhân có những dấu hiệu phục hồi, số lượng DN mới thành lập và quay trở lại hoạt động được cải thiện theo từng năm. Các chương trình hỗ trợ DN chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị... được tích cực triển khai thực hiện. Việt Nam đã có một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế (như Vingroup, Vinamilk, TH True Milk...). Bên cạnh đó, có nhiều chính sách được ban hành và thực thi liên quan đến thu hút, khuyến khích các DN lớn, DN có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, kết nối với các DN trong nước. Xếp hạng chung về năng lực cạnh tranh công nghiệp được cải thiện trong những năm gần đây. Báo cáo Chỉ số cạnh tranh công nghiệp của UNIDO cho thấy thứ hạng chỉ số hiệu suất cạnh tranh công nghiệp (CIP) của Việt Nam liên tục được cải thiện, từ xếp thứ 38 năm 2018 lên vị trí thứ 30 năm 2021, thu hẹp đáng kể so với các nước trong khu vực ASEAN.

### **Cơ cấu lại nền kinh tế đạt nhiều kết quả tích cực, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng**

Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm đã đạt được một số kết quả, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì đà tăng trưởng. Việc đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu, cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN) và đầu tư công đã tạo dư địa cho chính sách tài khóa và tiền tệ được sử dụng linh hoạt, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng, tăng tín nhiệm quốc gia trong bối cảnh lạm phát của các nước tăng cao, đứt gãy một số chuỗi cung ứng, cầu quốc tế giảm mạnh. Những cải cách thể chế và chỉ đạo quyết liệt đối với các dự án đầu tư công đã gia tăng tốc độ giải ngân, bù đắp cho nguồn vốn khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài bị chững lại, góp phần phục hồi tăng

trường. Thể chế, pháp luật về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, hoàn thiện theo hướng phân cấp, phân quyền quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án. Vốn đầu tư công được bố trí tập trung cho các công trình trọng điểm, kết nối liên kết vùng, phát triển hạ tầng đô thị.

Cơ cấu lại NSNN tiếp tục được triển khai theo hướng huy động, định hướng phân bổ và sử dụng vào các mục tiêu ưu tiên phát triển KT-XH; tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; quản lý chặt chẽ nợ công, giữ vững an ninh, an toàn nền tài chính quốc gia; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính quốc gia. Cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục được tích cực triển khai theo hướng tập trung hoàn thiện thể chế phù hợp nguyên tắc thị trường, cơ chế chính sách, bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn và từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế, góp phần củng cố nền tảng tài chính vĩ mô, qua đó tạo thêm dư địa để thực hiện các giải pháp tài chính, tín dụng hỗ trợ, tạo thuận lợi trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng của DN và người dân.

Không gian kinh tế được mở rộng, tạo điều kiện hình thành các động lực tăng trưởng mới, bền vững hơn. Hệ thống các quy hoạch được xây dựng mở ra không gian phát triển mới. Hạ tầng đô thị, hạ tầng số, kết nối giao thông nội vùng, liên vùng, kết nối đô thị - nông thôn đạt được những kết quả vượt trội. Cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, các cơ chế đặc thù đối với một số thành phố, địa phương được thực hiện, thúc đẩy dịch chuyển các nguồn lực, khai thác hiệu quả hơn lợi thế của các vùng, các địa phương. Cơ chế, chính sách đặc thù vùng đang được nghiên cứu, soạn thảo. Hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo được đẩy nhanh tiến độ xây dựng.

Cơ cấu ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, được đẩy mạnh theo hướng số hóa, xanh hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp và dịch vụ trong GDP tiếp tục gia tăng. Ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trở nên phổ biến trong các ngành, lĩnh vực, địa phương, gia tăng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế. Các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được đẩy mạnh. Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp

xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ ngày càng phát triển.

### **Thuận lợi và khó khăn, thách thức**

Việc triển khai kế hoạch phát triển KT-XH, cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 tiếp tục gặp những cơ hội, thuận lợi song hành cùng đó là các khó khăn, thách thức. Cụ thể:

#### **Cơ hội, thuận lợi**

*Thứ nhất*, những thành quả nổi bật trong các hoạt động đối ngoại gần đây của nước ta như nâng tầm quan hệ với các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, củng cố mối quan hệ với Trung Quốc hoặc mở rộng hợp tác với các châu Phi, Trung Đông... tạo ra nhiều cơ hội trong mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, nâng cấp chuỗi giá trị các ngành, phát triển các ngành kinh tế mới như công nghiệp bán dẫn, năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư, tận dụng cơ hội từ xu hướng cơ cấu lại chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu.

*Thứ hai*, một số xu thế trên thế giới hiện nay là phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, thay đổi trong hành vi tiêu dùng hướng tới thân thiện với môi trường, đa dạng hóa đầu tư thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh hóa, số hóa, cơ cấu lại chuỗi cung ứng, nâng cao sức chống chịu, tăng cường năng lực tự chủ.

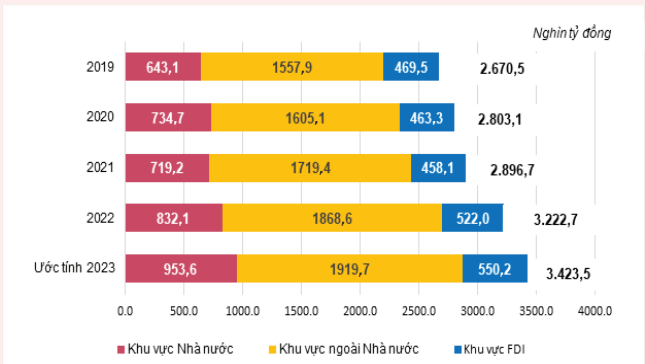
*Thứ ba*, nước ta có lực lượng lao động, dân số khá lớn, vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng, có lao động trẻ, năng động, dễ tiếp thu những kiến thức và kỹ năng mới, trong đó có kiến thức và kỹ năng số. Quy mô thị trường trong nước đang dần mở rộng do sự gia tăng của tầng lớp trung lưu. Đây là nguồn nội lực lớn có thể được khai thác, đặc biệt trong phát huy năng lực sáng tạo, quy mô thị trường, phát triển kinh tế số.

*Thứ tư*, Chính phủ hiện đang triển khai rất nhiều nghị quyết, chính sách mới, thúc đẩy cải cách thể chế để tạo lập nền tảng cho các động lực tăng trưởng mới đến từ phát triển vùng, phát triển kinh tế đô thị, đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành kinh tế mới như công nghiệp bán dẫn, phát triển kinh tế số, ứng dụng các mô hình kinh tế mới như kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, kinh tế chia sẻ...

#### **Khó khăn, thách thức**

*Thứ nhất*, tình hình kinh tế thế giới trong thời gian tới được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tốc độ tăng trưởng của các đối tác lớn vẫn chưa phục hồi, nhu cầu hàng hóa còn thấp. Lạm phát dự kiến tiếp

HÌNH 2: TỔNG VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI THEO GIÁ HIỆN HÀNH CÁC NĂM 2019-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

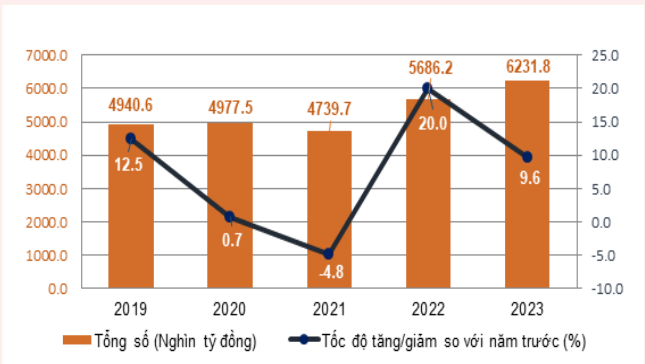
tục xu hướng chậm lại, nhưng vẫn cao tại nhiều nước; rủi ro về tài chính tiền tệ còn hiện hữu. Thương mại hàng hóa toàn cầu, giá dịch vụ, hàng hóa tiếp tục được dự báo đối mặt với các kịch bản phức tạp, thậm chí tiêu cực hơn trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường.

*Thứ hai*, nền kinh tế Việt Nam còn trong giai đoạn phục hồi và lấy đà tăng trưởng. Hoạt động xuất nhập khẩu có thể vẫn đối mặt với nhiều thách thức, do suy giảm nhu cầu ở các thị trường đối tác, gia tăng các tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất nhập khẩu, rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, cạnh tranh xuất khẩu từ các nước châu Á. Duy trì kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định hệ thống tài chính, củng cố nền tảng vĩ mô... tiếp tục là nhiệm vụ đầy khó khăn, thách thức. DN vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, năng lực hấp thụ vốn giảm.

*Thứ ba*, khu vực DN tư nhân trong nước còn yếu và thiếu cả về số lượng và chất lượng, tốc độ tăng trưởng chậm lại, quy mô nhỏ, năng lực công nghệ hạn chế, chưa theo kịp tiến trình đổi mới công nghệ và phát triển kinh tế số. DN tư nhân trong nước tuy đã từng bước tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu nhưng chủ yếu vẫn ở những giai đoạn tạo ra giá trị gia tăng thấp. Mức độ liên kết, hợp tác giữa các DN còn hạn chế, liên kết giữa DN FDI với DN trong nước còn yếu, chưa có nhiều cải thiện.

*Thứ tư*, cơ cấu lại DNNN còn chậm, chưa phát huy được vai trò trong tăng trưởng và phát triển. Tốc độ đổi mới quản trị DNNN theo các nguyên tắc và thông lệ quốc tế tốt, phù hợp với kinh tế thị trường hiện đại còn chậm, chưa phát huy được vai trò tương xứng với nguồn lực mà khu vực này nắm giữ. Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại DN chậm; số lượng DN dự kiến cổ phần hóa, thoái vốn

HÌNH 3: TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG CÁC NĂM 2019-2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

không nhiều, thu cổ phần hóa, thoái vốn đạt rất thấp.

*Thứ năm*, các loại thị trường hoạt động còn chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững. Thị trường lao động còn nhiều hạn chế, còn thiếu hụt lao động cục bộ tại một số địa bàn, lĩnh vực, chất lượng nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Thị trường khoa học-công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ. Thị trường bất động sản trầm lắng, tồn tại nhiều giao dịch phi chính thức chưa được quản lý; nhiều dự án bất động sản khó triển khai, cơ cấu sản phẩm không hợp lý, thiếu nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội.

### Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, khai thác hiệu quả ngoại lực, phát huy năng lực nội sinh

Với những thời cơ, thách thức trên, trong thời gian tới, cần thúc đẩy mạnh mẽ cơ cấu lại nền kinh tế, khai thác hiệu quả nội lực, tạo lập các động lực tăng trưởng mới. Theo đó, một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần được chú trọng thực hiện gồm:

*Một là*, tiếp tục củng cố nền tảng, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát đi đôi với tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng: Hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, xây dựng khung pháp lý xử lý hiệu quả nợ xấu, tăng cường thể chế giám sát cẩn trọng, can thiệp sớm, xử lý ngân hàng và quản lý khủng hoảng, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo. Cơ cấu lại hệ thống các TCTD, củng cố hệ số an toàn vốn, nâng cao năng lực quản trị. Chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý. Phối hợp đồng bộ, hiệu quả giữa chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

*Hai là*, tập trung hoàn thiện thể chế, hệ thống pháp luật tháo gỡ rào cản, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế: Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách cải thiện, nâng cấp chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển. Khẩn trương rà soát, chỉnh sửa, bổ sung những quy định chưa phù hợp, gây cản trở quá trình cơ cấu lại nền kinh tế như các quy định luật pháp về đất đai, xây dựng, quản trị DN, cung ứng dịch vụ công...

*Ba là*, hình thành hệ thống động lực, khuyến khích các động lực tăng trưởng mới: Động lực tăng trưởng đến từ các mô hình kinh tế mới, đổi mới sáng tạo, ngành kinh tế mới, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, liên kết phát triển vùng... Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung hệ thống các luật nhằm khai thác tốt hơn các cơ hội, tạo động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu theo hướng số hóa, xanh hóa, đổi mới sáng tạo như sửa đổi Luật NSNN, Luật các TCTD, các luật thuế và ban hành các luật mới như Luật Phát triển công nghiệp, Luật Năng lượng tái tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số...

*Bốn là*, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực công: Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý đầu tư công theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả đầu tư và phát huy mạnh hơn nữa vai trò đầu tư công nhằm dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư nhân; thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Đẩy mạnh cơ cấu lại NSNN, hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, liên kết vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đẩy mạnh hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại DN.

*Năm là*, thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển lực lượng DN, nhất là DN trong nước tận dụng hiệu quả các cơ hội từ hội nhập: Tăng cường thực hiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ DN như hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ pháp lý... Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích hình thành lực lượng DN thuộc khu vực tư nhân và DN có vai trò dẫn dắt, mở đường trong một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết và xúc tiến, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thể hệ mới, các nhà đầu tư chiến lược, phát triển các ngành kinh tế mới, có công nghệ hiện đại, có kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu và triển khai, có kết nối, chuyển giao công nghệ với DN trong nước.

*Sáu là*, triển khai hiệu quả các chương trình tăng năng suất lao động, tập trung phát huy vai trò dẫn

đắt đổi mới mô hình tăng trưởng của các đô thị lớn, các cực tăng trưởng: Tập trung xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh. Vận hành hoạt động hiệu quả các Hội đồng điều phối phát triển vùng, tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế đặc thù đối với các tỉnh, thành phố. Ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết vùng, vận hành hiệu quả Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, phát huy hiệu quả hơn vai trò của các đô thị lớn, hình thành các cực tăng trưởng, thúc đẩy tăng năng suất, phát huy tốt hơn lợi thế, tiện ích đô thị để đổi mới mô hình tăng trưởng, gia tăng lợi ích lan tỏa theo vùng.

*Bảy là* thúc đẩy chuyển dịch các ngành theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, bền vững, phát triển các ngành mới, phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao: Tiếp tục triển khai hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án cơ cấu lại các ngành. Xây dựng các hệ sinh thái khuyến khích chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hình thành đồng bộ các điều kiện về hạ tầng, nguồn nhân lực, vốn, thị trường, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ đối với các ngành công nghiệp nền tảng, phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng giá trị gia tăng cao, khuyến khích ứng dụng các mô hình kinh doanh mới, phát triển các ngành mới, đa dạng sản phẩm, hàng hóa, thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do đã ký kết. Thúc đẩy, phát triển kinh tế số nhằm tận dụng tốt hơn cơ hội Cách mạng công nghiệp 4.0, phù hợp với xu thế phát triển mới, tạo động lực tăng trưởng, tăng năng suất, tạo sức bật cho nền kinh tế.

*Tám là*, phát triển đồng bộ các thị trường nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực: Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển các loại thị trường. Xây dựng và vận hành hiệu quả các sàn giao dịch tập trung về đất đai, bất động sản, khoa học công nghệ, việc làm. Phát triển thị trường vốn, nâng cao tính công khai, minh bạch, giám sát rủi ro. Tập trung phát triển thị trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được đào tạo kỹ năng đáp ứng yêu cầu, thực hiện hiệu quả Đề án nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam, Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó triển khai thực hiện quả Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ tri thức giai đoạn 2021 - 2030. Phát triển mạnh thị trường khoa học công nghệ, đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho khoa học công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.